TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 6 năm 2023
V/v xin ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn

NHÂN DNH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tếnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Sơ

2. Ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hàng Thị D, sinh năm 1993. Địa chỉ: Bản Y, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Hờ A C, sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản Y, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hàng Thị D trình bày như sau:

Chị và anh Hờ A C kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2013 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai anh chị đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định C pháp luật. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 19/7/2013 và được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C đi làm ăn xa không gửi tiền về chăm lo cho cuộc sống gia đình, ham chơi. Kể từ đầu năm 2023, anh C đã bỏ nhà đi, không biết đi đâu, làm gì. Khi chị liên hệ, anh C thông báo đã đi sang tỉnh khác sinh sống và không quay về. Vì vậy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được, xác định không thể duy trì được cuộc sống hôn nhân nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Hờ Đức N, sinh ngày 16/02/2014. Khi ly hôn, chị có N vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị D giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Hờ A C và xin nuôi dưỡng con chung. Đồng thời xin miễn án phí do gia đình thuộc hộ nghèo.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho bị đơn anh Hờ A C về địa chỉ Bản Y, xã C, huyện Mai Sơn. Qua xác minh xác định, anh C đã biết được thông tin về việc Tòa án thụ lý vụ án xin ly hôn và thời gian Tòa án triệu tập đến làm việc. Tuy nhiên, anh C không đến làm việc tại Tòa án, không gửi văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn C chị D. Căn cứ Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và tài sản chung, nợ chung C chị D và anh C.

Tại biên bản ghi ý kiến C con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Hờ Đức N có N vọng ở cùng với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án C Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật C những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng C Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định C pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật C những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng C mình. Bị đơn đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng C mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến C những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 C Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện C nguyên đơn. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Hàng Thị D và anh Hờ A C. Về con chung, giao cháu Hờ Đức N cho chị Hàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận việc chị D không đề nghị anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH C TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Hàng Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Hờ A C có địa chỉ tại: Bản Y, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với nguyên đơn, bị đơn lần thứ hai nhưng vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hờ A C và chị Hàng Thị D.

[2] Về yêu cầu khởi kiện C nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Hàng Thị D và anh Hờ A C tự N kết hôn với nhau từ năm 2013, anh chị đã được UBND xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/7/2013. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định C pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chị D cho rằng mâu thuẫn là do anh C ham chơi, không chăm lo đến cuộc sống gia đình. Từ đầu năm 2023, anh C đã bỏ đi và thông báo không quay về nên chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Qua xác minh xác định, anh Hờ A C đã được gia đình thông báo về việc tòa án thông báo về việc có đơn xin ly hôn C chị C nhưng không chấp hành giấy triệu tập, không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Ban quản lý bản Y, xã C (nơi chị D và anh C sinh sống) và đại diện gia đình anh Hờ A C cho biết: Chị D và anh C có mâu thuẫn vợ chồng do anh C không chăm lo cho cuộc sống gia đình, ham chơi. Từ đầu năm 2023, anh C đã bỏ nhà đi, không biết đi đâu. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng C anh chị đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích C hôn nhân không đạt được, cần căn cứ Điều 56 C Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn C chị Hàng Thị D, xử cho chị D được ly hôn với anh Hờ A C.

[2.2] Về con chung: Các tài liệu chị D cung cấp xác định trong thời gian hôn nhân, chị D và anh C có 01 con chung là cháu Hờ Đức N, sinh ngày 16/02/2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D có N vọng nuôi dưỡng con chung. Tại văn bản ghi ý kiến C con chung trên 07 tuổi, cháu Hờ Đức N có N vọng ở cùng với mẹ. Qua xác minh xác định anh Hờ A C hiện không có mặt tại nơi cư trú. Do đó, để đảm bảo quyền lợi C con chung chư thành niên, cần chấp nhận yêu cầu C nguyên đơn, giao cháu Hờ Đức N, sinh ngày 16/02/2014 chị Hàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng; giáo dục đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi có quyết định khác C cơ quan có thẩm quyền. Chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung do anh C không có mặt tại địa phương. Xét thấy, yêu cầu C chị là tự N, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với hoàn cảnh khách quan C anh C nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không đề nghị Tòa án xem xét, anh C không có ý kiến về tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Về nợ chung: Chị D xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: Chị Hàng Thị D thuộc hộ nghèo, có yêu cầu xin miễn án phí xin ly hôn nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 C Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hàng Thị D và anh Hờ A C.

2. Về con chung: Giao cháu Hờ Đức N, sinh ngày 16/02/2014 cho chị Hàng Thị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác C cơ quan có thẩm quyền. Ghi nhận việc chị Hàng Thị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh C được quyền thăm nom con theo quy định C pháp luật, không ai được cản trở anh chị được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì được khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

4. Về nợ chung vợ chồng: Không có.

5. Về án phí: Chị Hàng Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VND (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003101ngày 02 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

6.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 C Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự N thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 C Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 C Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
-UBND xã C, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tráng A Tếnh